

Số: /2021/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT
ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học
và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KHCN) sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Bộ) gồm:

- a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ;
- b) Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ;
- c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây viết tắt là đề tài);
- d) Đề án khoa học cấp Bộ (sau đây viết tắt là đề án);
- đ) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ (sau đây viết tắt là dự án SXTN);

e) Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ (sau đây viết tắt là đề tài tiềm năng);

g) Nhiệm vụ thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen.

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia có liên quan đến ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn do các Bộ khác quản lý.

3. Hoạt động của Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành”.

2. Bổ sung Điều 1a như sau:

“Điều 1a. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình KHCN cấp Bộ là nhiệm vụ KHCN có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ 5 năm hoặc dài hạn của ngành, lĩnh vực được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ.

2. Dự án KHCN cấp Bộ là nhiệm vụ KHCN bao gồm một số đề tài, dự án SXTN có sự gắn kết hữu cơ, được tiến hành trong một thời gian nhất định, nhằm giải quyết các vấn đề KHCN phục vụ sản xuất một hoặc một nhóm sản phẩm chủ lực trọng điểm; có tác động nâng cao trình độ công nghệ, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ.

3. Đề án KHCN cấp Bộ là nhiệm vụ KHCN bao gồm một hoặc một nhóm nội dung nhằm xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật của ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ.

4. Đề tài tiềm năng là đề tài KHCN có tính thăm dò, tạo ra vật liệu khởi đầu, tạo ra sản phẩm trung gian, khi được tiếp tục nghiên cứu thành công có khả năng mở ra hướng nghiên cứu mới hoặc tạo ra sản phẩm công nghệ mới thuộc định hướng ưu tiên của ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ.

5. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có điều kiện, năng lực và kinh nghiệm phù hợp nhất để thực hiện nhiệm vụ KHCN thông qua xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo quy định tại Thông tư này.

6. Giao trực tiếp là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KHCN thông qua xem xét, đánh giá hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

7. Tổ chức chủ trì là tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ KHCN.

8. Mã số nhiệm vụ KHCN cấp bộ là ký hiệu riêng để mã hóa, theo dõi, quản lý cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ của Bộ theo Mẫu 01. MSNV-BNN ban hành kèm theo Thông tư này”.

4. Bổ sung các Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c, Điều 2d, Điều 2đ, Điều 2e, Điều 2g, Điều 2h, Điều 2i và Điều 2k như sau:

“Điều 2a. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia do các Bộ, ngành khác quản lý

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức KHCN thuộc Bộ và cá nhân gửi văn bản đề xuất nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia do các Bộ, ngành khác quản lý có liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ kèm phiếu đề xuất ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN) về Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp, lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan, tổ chức liên quan, chuyên gia độc lập (nếu cần) về sự cần thiết của các đề xuất, trình Lãnh đạo Bộ phụ trách khoa học và công nghệ xem xét, gửi đề xuất đặt hàng các Bộ, ngành.

Điều 2b. Quản lý nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình KHCN cấp quốc gia giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý

Nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình, đề án KHCN cấp quốc gia; nhiệm vụ KHCN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý được thực hiện như sau:

1. Trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN) và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN.

2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KHCN theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN).

3. Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Biên bản thanh lý hợp đồng theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN).

4. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN).

5. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN).

6. Một số quy định khác có liên quan do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, ban hành.

Điều 2c. Nguyên tắc xây dựng và phê duyệt Chương trình KHCN, dự án KHCN cấp Bộ

1. Đối với chương trình KHCN cấp Bộ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN).

2. Đối với dự án KHCN cấp Bộ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BKHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý dự án KHCN cấp quốc gia.

3. Đối với đề tài, dự án SXTN thuộc chương trình KHCN, dự án KHCN cấp Bộ được quản lý như nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.

Điều 2d. Hội đồng KHCN Bộ và các Ban KHCN chuyên ngành

1. Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng KHCN Bộ và các Ban KHCN chuyên ngành.

2. Thành phần Hội đồng KHCN Bộ gồm: Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; các Ủy viên là Thủ trưởng Tổng cục, Cục, Vụ, Viện, Học viện, Trường Đại học thuộc Bộ, nhà khoa học.

3. Thành phần Ban KHCN chuyên ngành gồm: Trưởng Ban và Phó trưởng Ban là đại diện Lãnh đạo Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ hoặc nhà khoa học; các Ủy viên là nhà khoa học, quản lý, chuyên gia, đại diện doanh nghiệp có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp.

4. Số lượng thành viên Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

5. Định kỳ 3 năm hoặc đột xuất, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường rà soát, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định kiện toàn thành viên Hội đồng KHCN Bộ, Ban KHCN chuyên ngành.

Điều 2đ. Tiêu chuẩn của thành viên tham gia Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành

Thành viên Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có học vị từ cử nhân hoặc tương đương trở lên (đối với đại diện các cơ quan quản lý thuộc Bộ, doanh nghiệp); có học vị tiến sỹ chuyên ngành (đối với các nhà khoa học thuộc các tổ chức KHCN, chuyên gia độc lập).
2. Có một trong các thành tích khoa học sau:
 - a) Chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp tỉnh được đánh giá, nghiệm thu từ mức Đạt trở lên;
 - b) Hướng dẫn ít nhất 01 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sỹ;
 - c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền ban hành.
3. Có thâm niên công tác từ 5 năm trở lên liên quan đến ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng quyết định.

Điều 2e. Hoạt động và nhiệm vụ của Hội đồng KHCN Bộ

1. Định kỳ mỗi năm một lần hoặc đột xuất tổ chức họp đề tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các nhiệm vụ sau:
 - a) Đánh giá thực trạng, xây dựng định hướng và xác định các vấn đề ưu tiên trong nghiên cứu, ứng dụng KHCN hằng năm;
 - b) Xây dựng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến KHCN ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - c) Xây dựng chiến lược phát triển, sử dụng nguồn nhân lực khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ KHCN ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - d) Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ KHCN dài hạn, trung hạn về phát triển khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ của ngành;
 - đ) Đề xuất, kiến nghị những vấn đề khoa học thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ; các chương trình, đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ và các nhiệm vụ khác của Bộ; cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích hoạt động khoa học của các đơn vị thuộc Bộ và ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - e) Tham gia đánh giá, nghiệm thu các công trình khoa học và công nghệ, các đề án, nhiệm vụ của Bộ, báo cáo tổng kết công tác khoa học của Bộ; các giáo trình, chương trình giảng dạy của các cơ sở đào tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (nếu có);
 - g) Tham gia ý kiến tại các hội thảo, hội nghị đánh giá công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ngành nông nghiệp do Bộ tổ chức.